



Chương 1

KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC VÀ TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Giảng viên: Trịnh Thị Thanh

NỘI DUNG

I. TRIẾT HỌC VÀ
VẤN ĐỀ CƠ BẢN
CỦA TRIẾT HỌC

II. TRIẾT HỌC MÁC
- LÊNIN VÀ VAI TRÒ
CỦA TRIẾT HỌC
MÁC - LÊNIN
TRONG ĐỜI SỐNG
XÃ HỘI

1. Khái lược về triết học
2. Vấn đề cơ bản của triết học
3. Biện chứng và siêu hình

1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin
2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin
3. Vai trò của triết học Mác - Lênin

1. Khái lược về Triết học

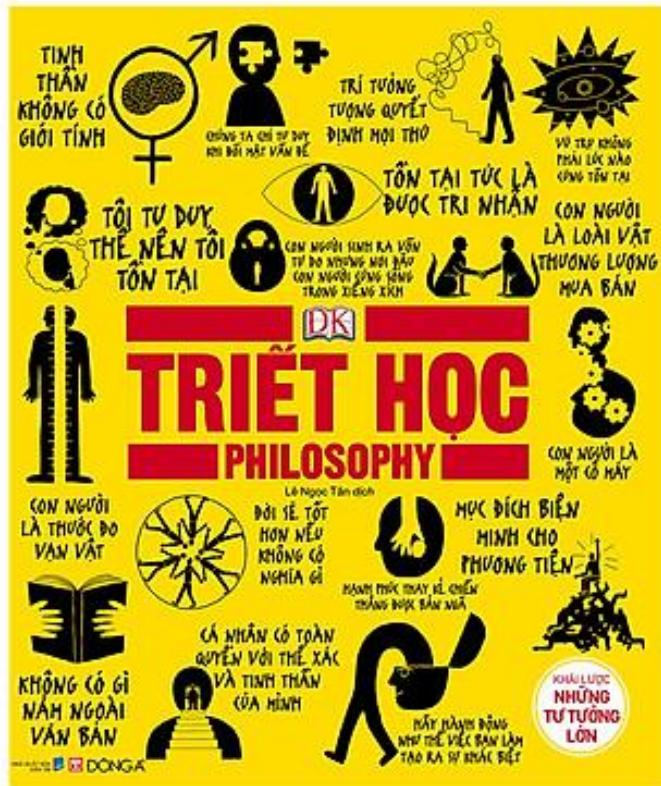
1.1. Nguồn gốc của Triết học

1.2. Khái niệm Triết học

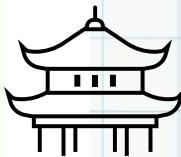
1.3. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử

1.4. Triết học – hạt nhân lý luận của thế giới quan

1.1. Nguồn gốc của Triết học



Ra đời vào khoảng từ thế kỷ VIII đến thế kỷ VI tr.CN



Tại các trung tâm văn minh lớn của nhân loại thời cổ đại:
Ấn Độ, Trung Hoa, Hy Lạp.

1.1. Nguồn gốc của Triết học

Nguồn gốc
nhận thức

- Khi tư duy con người đạt đến trình độ trừu tượng hóa, khái quát hóa, hệ thống hóa để rút ra được cái chung trong muôn vàn những sự kiện, hiện tượng riêng lẻ.

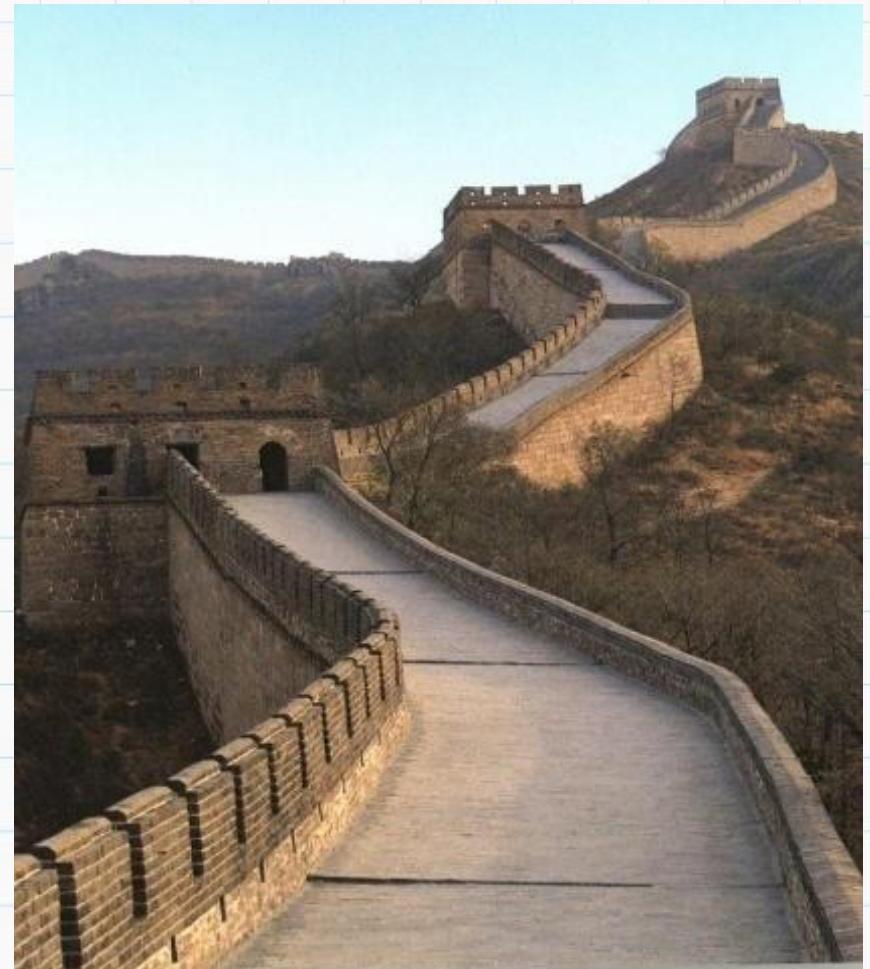
Nguồn gốc
xã hội

- Khi nền sản xuất xã hội đã có sự phân công lao động, xuất hiện giai cấp và lao động trí óc tách khỏi lao động chân tay.

1.2. Khái niệm Triết học

Trung Quốc

Triết = Trí nghĩa là sự truy tìm bản chất của đối tượng nhận thức, thường là con người, xã hội, vũ trụ và tư tưởng tinh thần.



1.2. Khái niệm Triết học

Ấn Độ

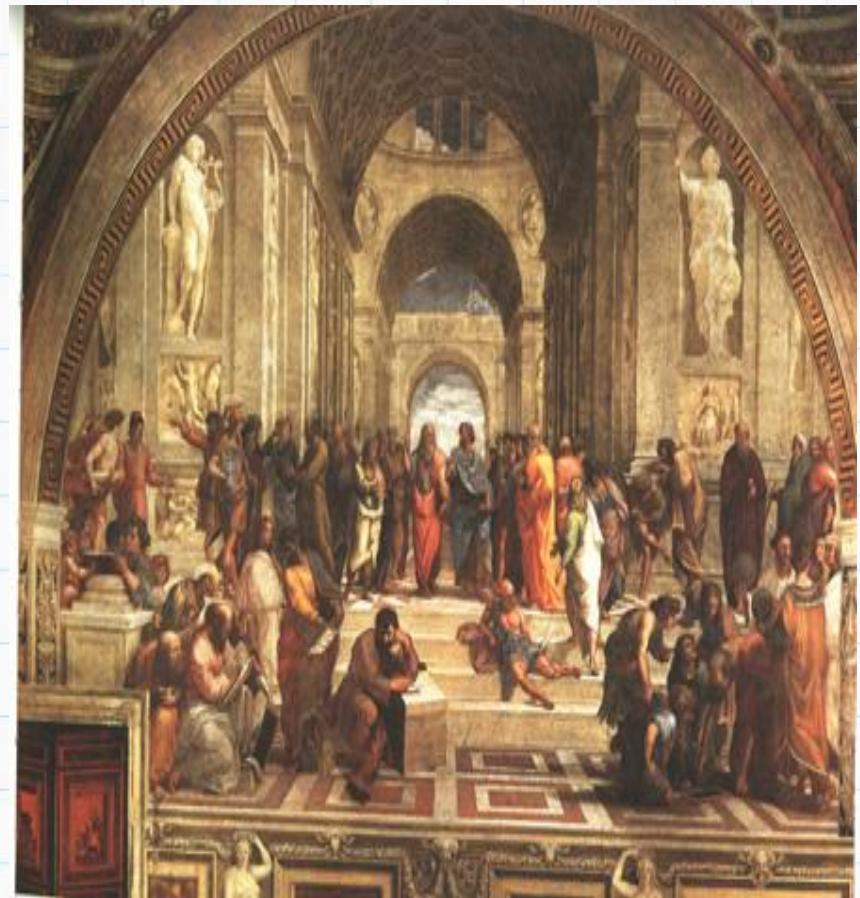
Triết = “Dar’sana” có nghĩa là “chiêm ngưỡng”; là con đường suy ngẫm để dẫn dắt con người đến với lẽ phải, thấu đạt được chân lý về vũ trụ và nhân sinh.



1.2. Khái niệm Triết học

Phương Tây

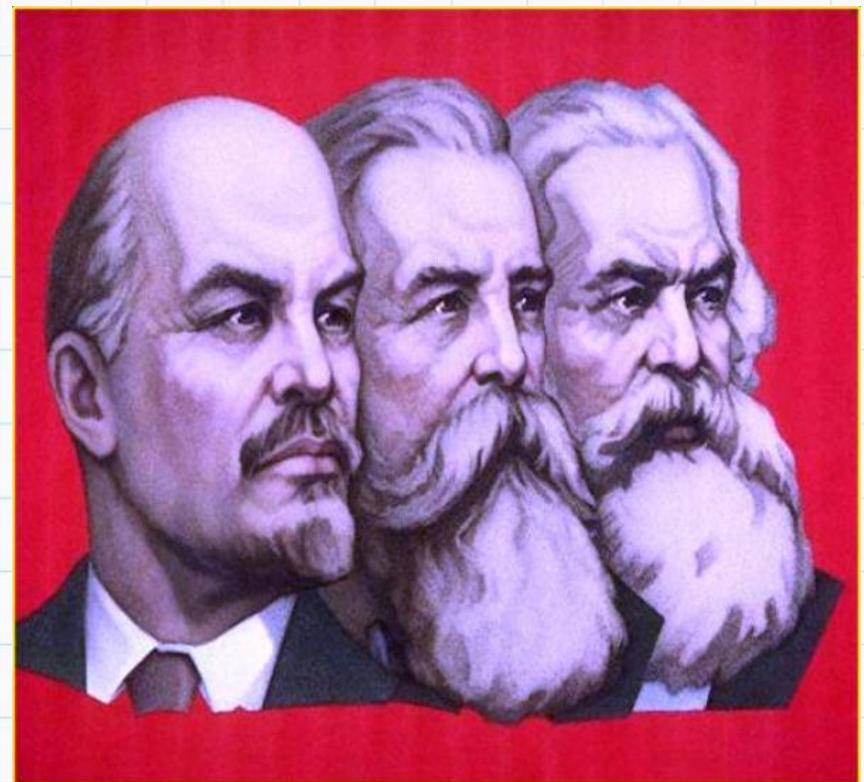
Triết = “**Philosophia**” vừa mang nghĩa là giải thích vũ trụ, định hướng nhận thức và hành vi vừa nhấn mạnh đến khát vọng tìm kiếm chân lý của con người.



1.2. Khái niệm Triết học

Triết học Mác - Lênin

Triết học là hệ thống quan điểm lí luận chung nhất về thế giới và vị trí con người trong thế giới đó, là khoa học về những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên xã hội và tư duy.



1.2. Khái niệm Triết học

Đặc trưng của tri thức triết học

Tính hệ thống

Khách thể khám phá của triết học là thế giới (gồm cả bên trong và bên ngoài con người) trong hệ thống chỉnh thể toàn vẹn

Tính khái quát

Triết học giải thích tất cả mọi sự vật, hiện tượng, quá trình và quan hệ của thế giới với mục đích tìm ra những quy luật phổ biến nhất chi phối, quy định về quyết định sự vận động của thế giới, của con người và của tư duy

Tính trừu tượng

Tri thức triết học mang tính hệ thống, logic và trừu tượng về thế giới, bao gồm những nguyên tắc, những đặc trưng bản chất và những quan điểm nền tảng về mọi mặt

Tính lý luận

Triết học là hình thái ý thức đặc biệt, được thể hiện thành hệ thống các quan điểm lý luận chung nhất về thế giới, về con người và về tư duy của con

1.2. Khái niệm Triết học

**Tri thức triết học khác với các tri
thức khoa học khác ở tính đặc
thù và phương pháp nghiên cứu**

Tri thức triết học mang tính khái quát cao

Phương pháp nghiên cứu của triết học là
xem xét thế giới như một chỉnh thể và đưa
ra hệ thống quan điểm về chỉnh thể đó

Triết học diễn tả thế giới quan bằng lý luận
trên cơ sở tổng kết toàn bộ lịch sử của khoa
học và triết học.

Không phải mọi triết học đều là khoa học
nhưng đều đóng góp cho sự hình thành khoa
học triết học

1.3. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử

Thời kỳ Hy Lạp
cổ đại

Triết học tự nhiên bao gồm tất cả những tri thức mà con người có được, trước hết là các tri thức thuộc khoa học tự nhiên sau này như toán học, vật lý học, thiên văn học...

Thời Trung cổ

Đối tượng của triết học là các chủ đề như niềm tin tôn giáo, thiên đường, địa ngục, mặc khải hoặc chú giải các tín điều phi thế tục

Thời kỳ phục
hưng, cận đại

Triết học tách ra thành các môn khoa học như cơ học, toán học, vật lý học, thiên văn học, hóa học, sinh học, xã hội học, tâm lý học, văn hóa học...

Triết học cổ
điển Đức

Đỉnh cao của quan niệm “Triết học là khoa học của mọi khoa học” ở Hegel

Triết học Mác

Trên lập trường DVBC để nghiên cứu những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy

1.4. Triết học – hạt nhân lý luận của thế giới quan

➤ **Thế giới quan:**

Là khái niệm triết học chỉ hệ thống các tri thức, quan điểm, tình cảm, niềm tin, lý tưởng xác định về thế giới và về vị trí của con người (bao gồm cá nhân, xã hội và cả nhân loại) trong thế giới đó.

1.4. Triết học – hạt nhân lý luận của thế giới quan

➤ Các loại hình thế giới quan:

- **Thế giới quan huyền thoại:** là thế giới quan của người nguyên thuỷ, trong đó các yếu tố: tri thức, cảm xúc, lý trí tín ngưỡng, hiện thực, tưởng tượng hoà quyện vào nhau
- **Thế giới quan tôn giáo:** là thế giới quan có niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh của lực lượng siêu nhiên đối với thế giới, đối với con người.
- **Thế giới quan khoa học:** có ý nghĩa định hướng cho hoạt động của con người trên cơ sở tổng kết những thành tựu của quá trình nghiên cứu khoa học.
- **Thế giới quan triết học:** là hệ thống những quan điểm có tính khái quát về thế giới về vai trò của con người đối với thế giới thông qua hệ thống các khái niệm, phạm trù, qui luật

1.4. Triết học – hạt nhân lý luận của thế giới quan

Thứ nhất

Bản thân triết học chính là thế giới quan

Thứ hai

Trong số các loại thế giới quan thì thế giới quan triết học bao giờ cũng là thành phần quan trọng, đóng vai trò là nhân tố cốt lõi

Thứ ba

Triết học bao giờ cũng có ảnh hưởng và chi phối các thế giới quan khác như: thế giới quan tôn giáo, thế giới quan kinh nghiệm, thế giới quan thông thường...,

Thứ tư

Thế giới quan triết học quy định mọi quan niệm khác của con người

Thế giới quan duy vật biện chứng là đỉnh cao của các loại thế giới quan đã từng có trong lịch sử.

1.4. Triết học – hạt nhân lý luận của thế giới quan

TGQ có vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc sống của con người và xã hội, bởi vì:

Thứ nhất

Những vấn đề được triết học đặt ra và tìm lời giải đáp trước hết là những vấn đề thuộc thế giới quan.

Thứ hai

Thế giới quan là tiền đề quan trọng để xác lập phương thức tư duy hợp lý và nhân sinh quan tích cực; là tiêu chí quan trọng đánh giá sự trưởng thành của mỗi cá nhân cũng như của từng cộng đồng xã hội nhất định.

- Triết học với tính cách là hạt nhân lý luận chi phối mọi thế giới quan.

2. Vấn đề cơ bản của triết học

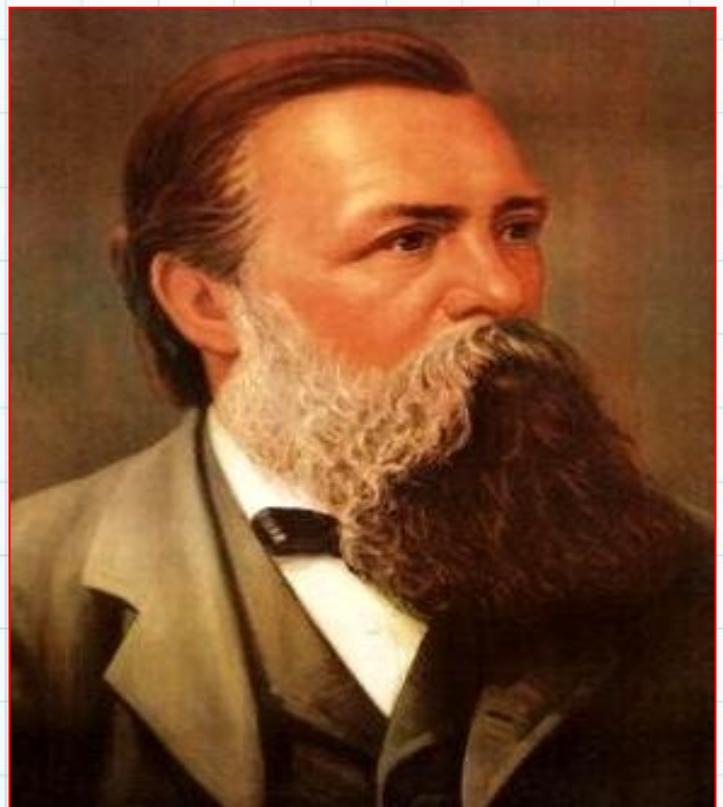
2.1. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học

2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

2.3.Thuyết có thể biết và thuyết không thể biết

2.1. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học

Tổng kết lịch sử triết học. Ăng-ghen khái quát: “Vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học, đặc biệt là triết học hiện đại là *mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại*”; hay giữa ý thức và vật chất, hay giữa tinh thần và giới tự nhiên.



2.1. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học

Vấn đề cơ bản của triết học gồm hai mặt:

1

Giữa vật chất và ý
thức; cái nào có
trước, cái nào có
sau, cái nào quyết
định cái nào?

2

Con người có khả
năng nhận thức
được thế giới hay
không?

2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

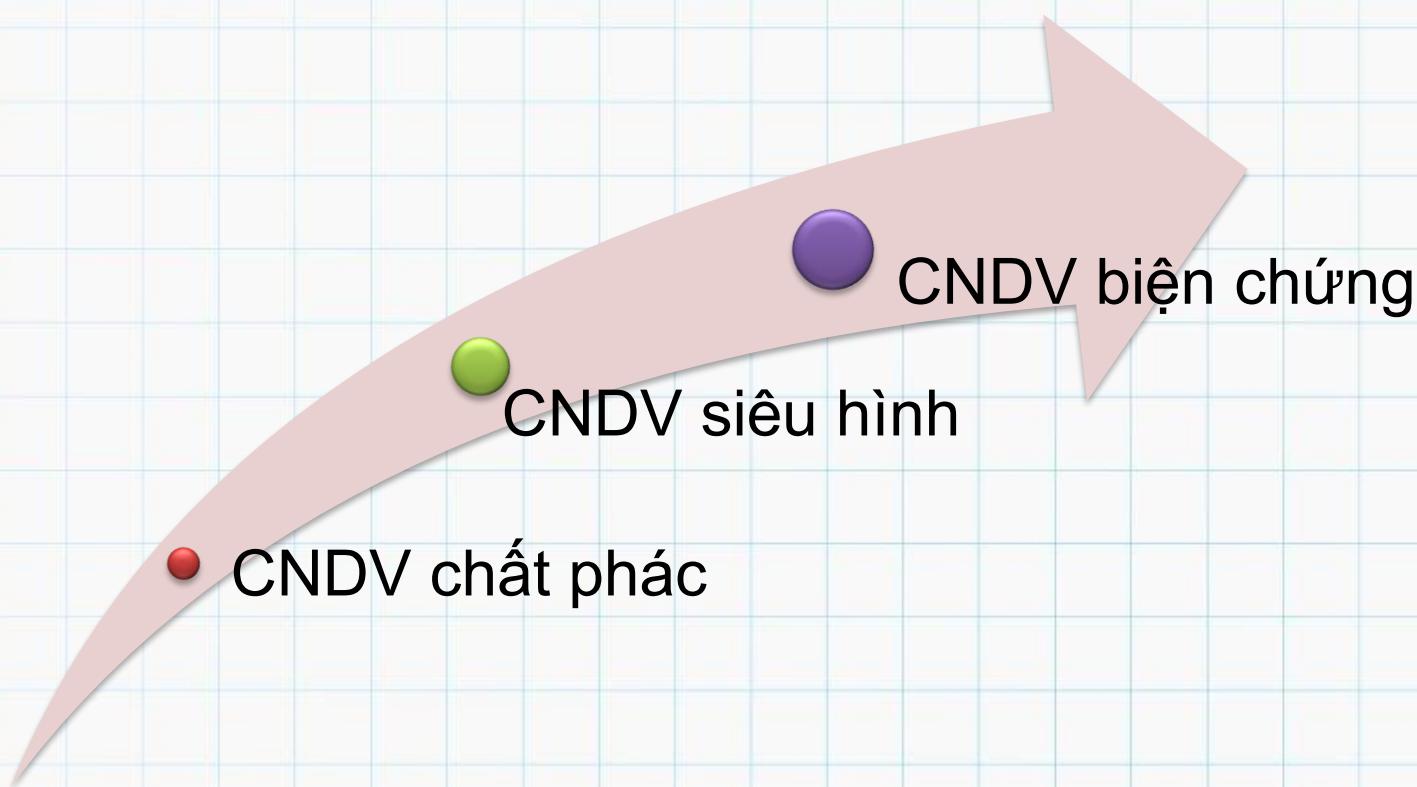
Việc giải quyết m^{ặt} th^ú nh^{ất} vấn đề cơ bản của triết học là xuất phát điểm của hai trường phái:

- *Chủ nghĩa duy vật:*
vật chất có trước, ý thức có sau; vật chất quyết định ý thức

- *Chủ nghĩa duy tâm:*
ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất.

2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

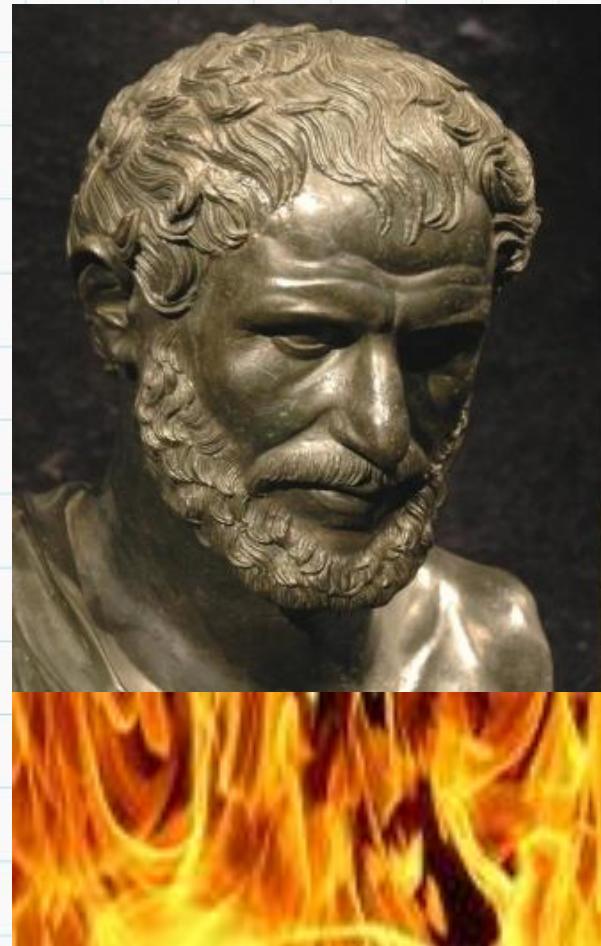
Quá trình phát triển của chủ nghĩa duy vật biện chứng:



2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

Chủ nghĩa duy vật chất phác:

- Mang nặng tính trực quan, ngây thơ chất phác
- Đã giải thích đúng về giới tự nhiên, có tác dụng chống lại các quan điểm duy tâm, tôn giáo.

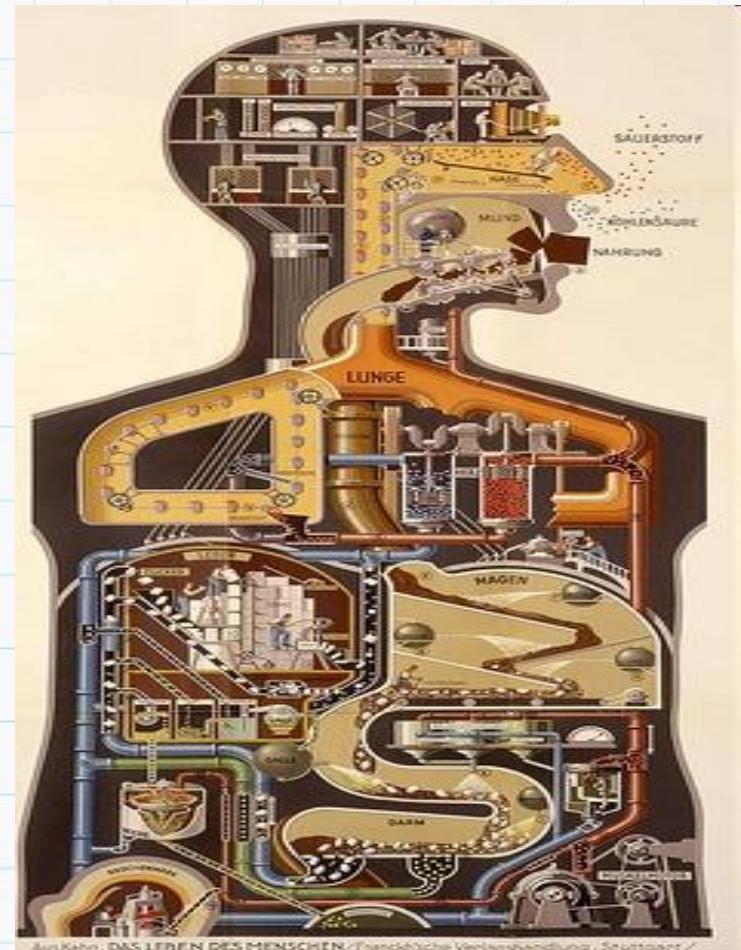


“LỬA” LÀ BẢN NGUYÊN CỦA THẾ GIỚI

2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

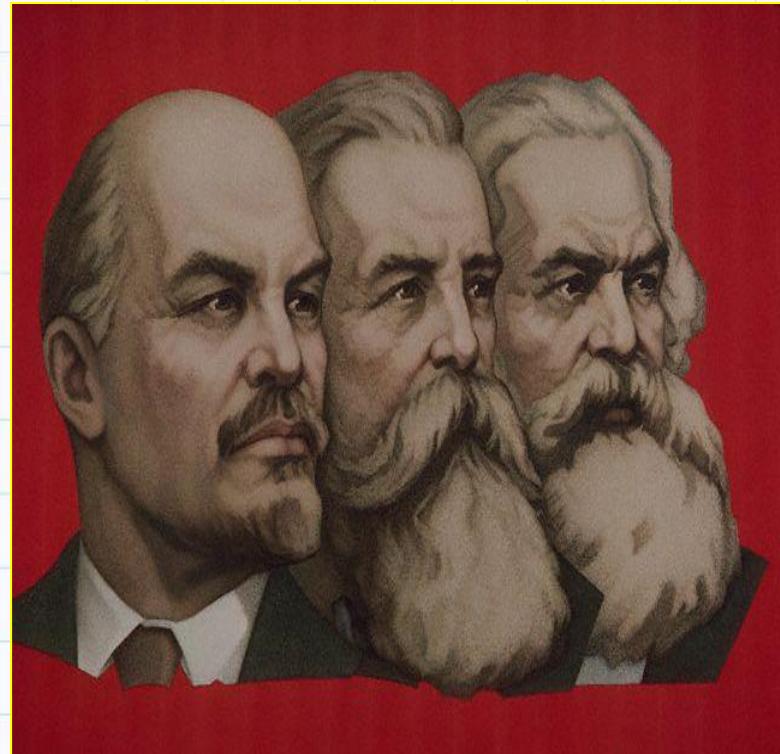
Chủ nghĩa duy vật siêu hình:

- Chịu sự tác động của phương pháp siêu hình, máy móc.
- Nhìn nhận thế giới giống như một cỗ máy khổng lồ với các bộ phận tồn tại biệt lập, tĩnh tại.



2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

Chủ nghĩa duy vật biện chứng:
Do C.Mác và Ăng-ghen sáng
lập, V.I Lênin và những người
kế tục ông bảo vệ và phát triển.



Mác-Ănghen-Lênin

2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

Chủ nghĩa duy vật biện chứng ra đời đã:

- Khắc phục được hạn chế của chủ nghĩa duy vật chất phác thời cổ đại và chủ nghĩa duy vật siêu hình.
- Đạt tới hình thức phát triển cao nhất của CNDV trong lịch sử

2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

- Chủ nghĩa duy tâm có hai hình thức cơ bản:

○ *Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*: mọi sự vật, hiện tượng chỉ là “phức hợp những cảm giác” của cá nhân.

○ *Chủ nghĩa duy tâm khách quan*: tinh thần, ý thức có trước và tồn tại độc lập với giới tự nhiên và con người.

2.3. thuyết có thể biết và thuyết không thể biết

Việc giải quyết mặt thứ hai vấn đề cơ bản của triết học là xuất phát điểm của hai trường phái:

- *Khả tri*: con người có thể nhận thức được thế giới (thuyết có thể biết)
- *Bất khả tri*: Con người không thể nhận thức được thế giới (thuyết không thể biết)

Vấn đề cơ bản của triết học: mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

Mặt 1: YT & VC cái nào có trước, cái nào có sau?

CNDV

CNDT

CN nhị
nguyên

VC
có
trước,
YT
có
sau

YT
có
trước,
VC
có
sau

VC &
YT
tồn tại
độc
lập
nhau

Mặt 2: con người có khả năng nhận thức TG không?

KHẢ
TRI

Nhận
thức
được
TG

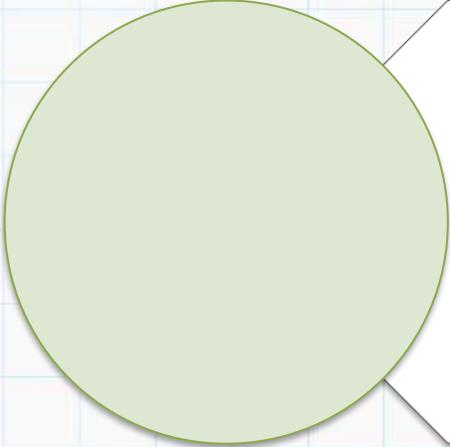
BẤT
KHẢ
TRI

Không
nhận
thức
được
TG

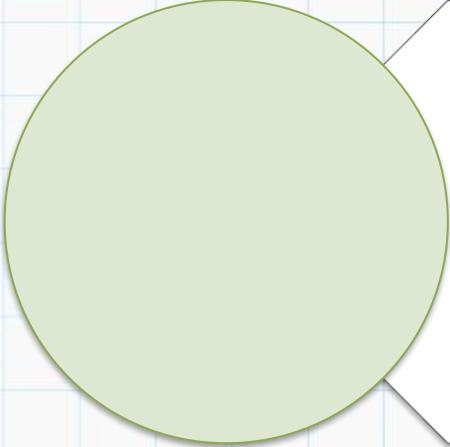
HOÀI
NGHI

Hoài
nghi
tri
thức
đạt
được

3. Biện chứng và siêu hình



3.1. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử



3.2. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử

3.1. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử

Biện chứng

Chỉ sự tồn tại của sự vật, hiện tượng trong mối liên hệ tác động qua lại và không ngừng vận động phát triển.

Siêu hình

Chỉ sự tồn tại của sự vật trong trạng thái đứng im, không vận động, tách rời cô lập và tách biệt nhau.

3.1. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử

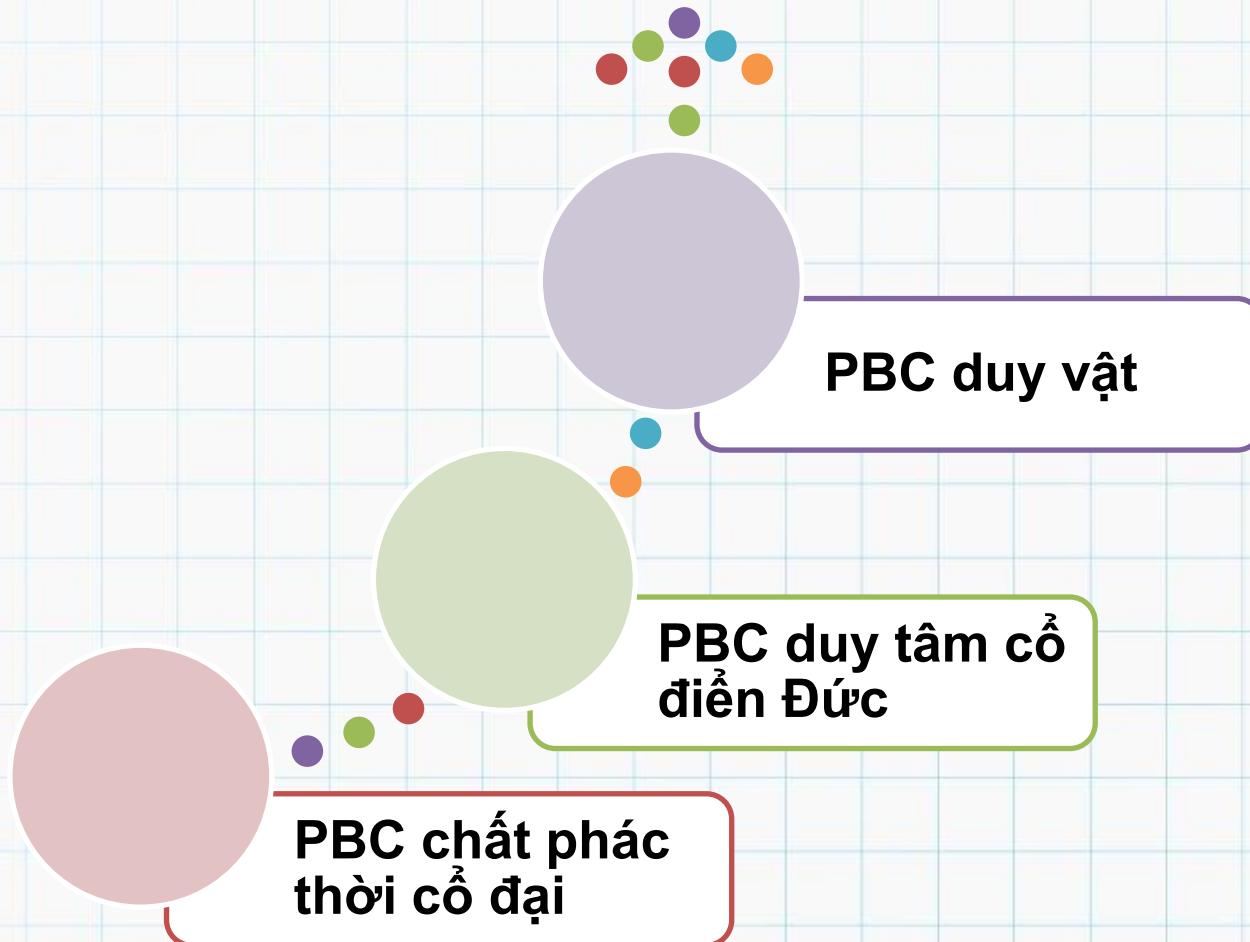
PHƯƠNG PHÁP SIÊU HÌNH

- Nhận thức đối tượng ở trạng thái cô lập, tách rời.
- Nhận thức đối tượng ở trạng thái tĩnh, không thừa nhận sự biến đổi.
- Có vai trò to lớn trong việc giải quyết các vấn đề cơ học nhưng hạn chế khi giải quyết các vấn đề về vận động, liên hệ.

Phương pháp BIỆN CHỨNG

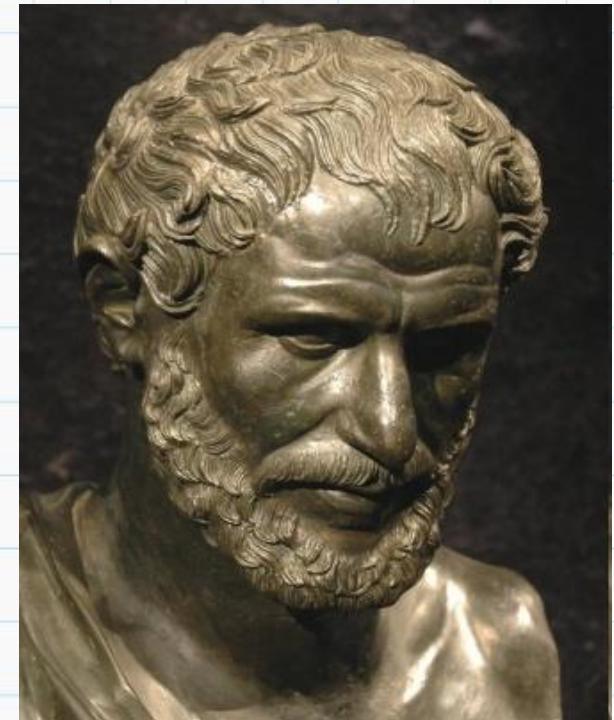
- Nhận thức đối tượng trong các mối liên hệ phổ biến.
- Nhận thức đối tượng ở trạng thái luôn vận động, biến đổi.
- Là công cụ hữu hiệu giúp con người nhận thức và cải tạo thế giới.

3.2. CÁC HÌNH THỨC CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG



3.2. CÁC HÌNH THỨC CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG

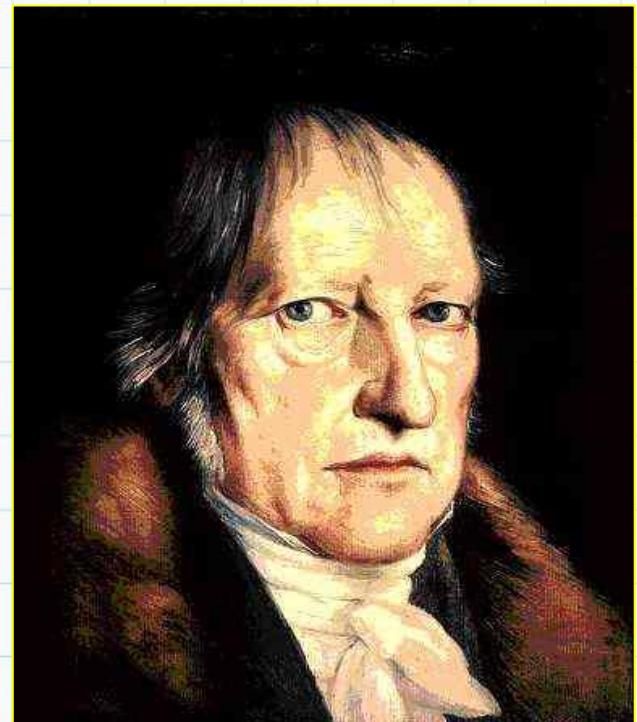
- *Phép biện chứng chất phác thời cổ đại:* nhận thức biện chứng của thế giới bằng trực kiến thiên tài, bằng trực quan chất phác, ngây thơ, còn thiếu sự chứng minh bởi thành tựu phát triển của khoa học tự nhiên.



"Không ai tắm hai lần trên một dòng sông" – Heraclitus

3.2. CÁC HÌNH THỨC CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG

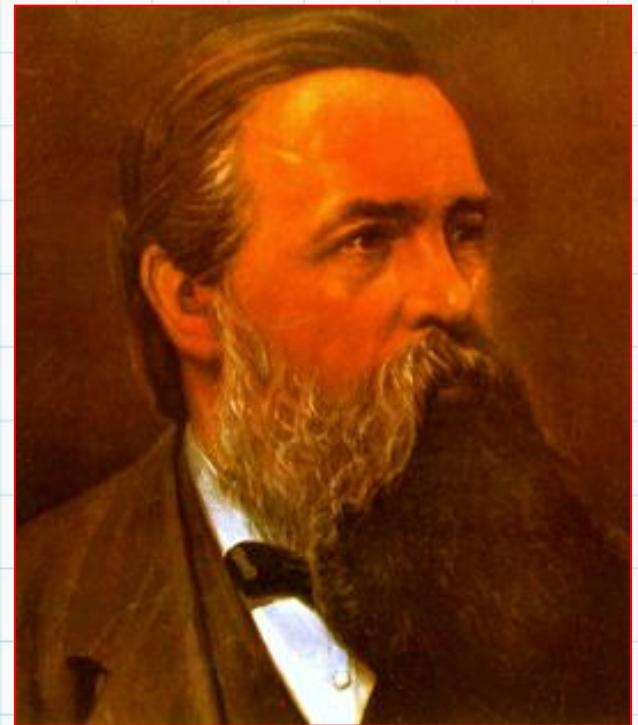
- *Phép biện chứng duy tâm cổ điển Đức* được các nhà triết học cổ điển Đức xây dựng một cách hệ thống với các phạm trù, quy luật chung, có logic chặt chẽ của ý thức, tinh thần.



"Cái gì hợp lý thì tồn tại;
cái gì tồn tại thì hợp lý"
(G.W.Ph. Hegen)

3.2. CÁC HÌNH THỨC CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG

- *Phép biện chứng duy vật* - hình thức cao nhất của phép biện chứng do C. Mác và Ph. Ăngghen sáng tạo đã khắc phục những hạn chế của phép biện chứng duy tâm.



«Phép biện chứng là khoa học nghiên cứu về các mối liên hệ phổ biến và sự phát triển».

II. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác -
Lênin

2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác
- Lênin

3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời
sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới

1. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

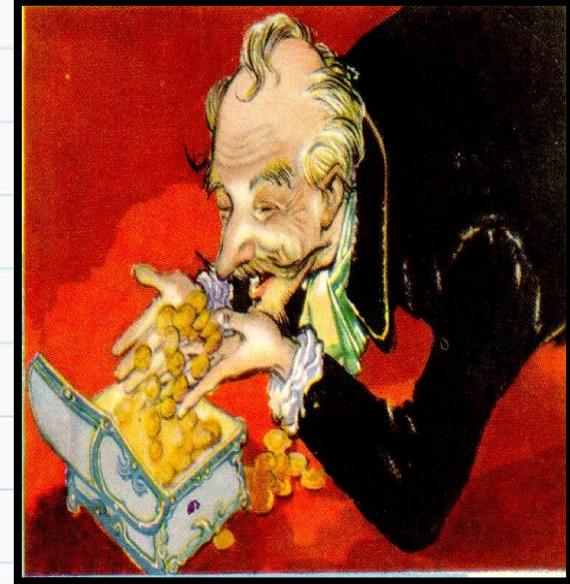
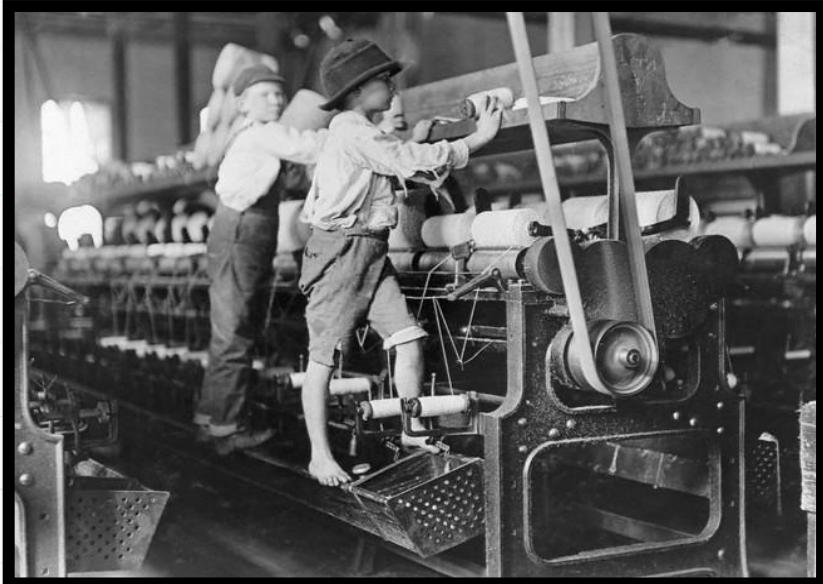
1.2. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển
của triết học Mác

1.3. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do
C.Mác và Ph. Ăngghen thực hiện

1.4. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển triết học Mác

1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI



Cuộc cách mạng công nghiệp tư bản chủ nghĩa và sự bóc lột của giai cấp tư sản đối với lao động làm thuê

1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI



Phong trào Hiến Chương (Anh)

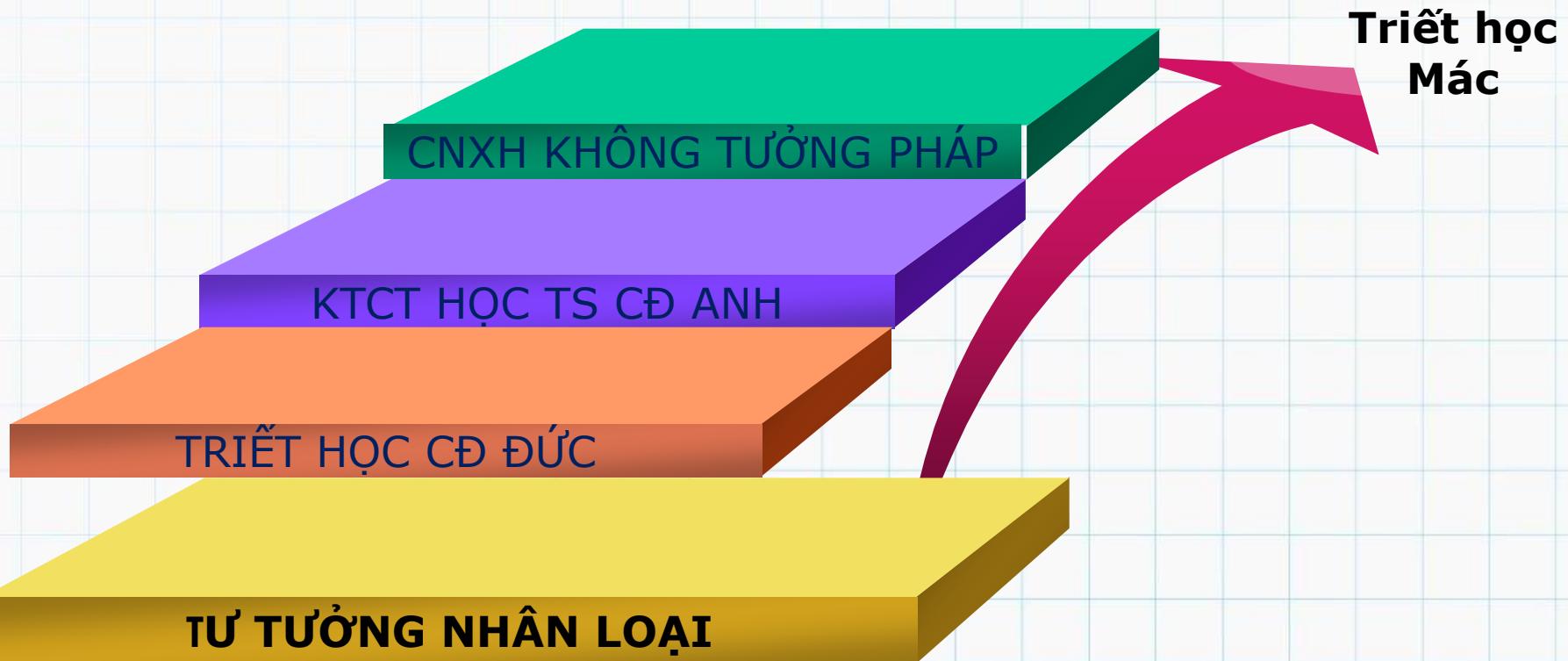


Công xã Pari 1871

SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CN MÁC – LÊNIN XUẤT PHÁT TỪ
NHU CẦU CỦA CUỘC ĐẤU TRANH GIAI CẤP CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN
VÀ NHÂN DÂN LAO ĐỘNG

1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN



Triết học Mác kế thừa toàn bộ giá trị tư tưởng nhân loại trực tiếp nhất là Triết học cổ điển Đức, KTCT cổ điển Anh và CNXH không tưởng Pháp

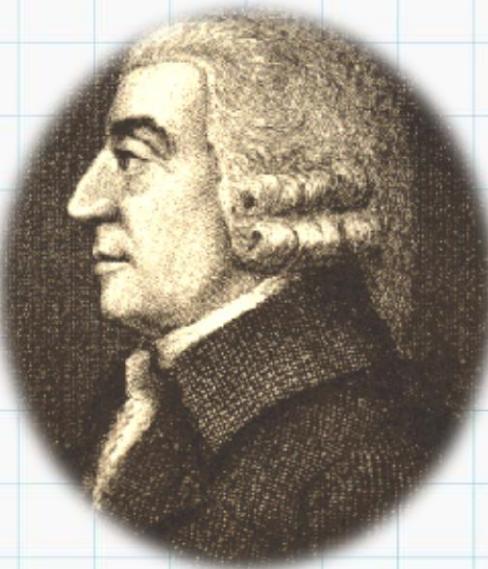
1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN

Các nhà kinh tế học chính trị cổ điển Anh



William Petty
1623-1687



Adam Smith
1723-1790



David Ricardo
1772-1823

1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN

Các triết gia tiêu biểu của nền triết học cổ điển Đức



I. Kant (1724 - 1804)



G. Hegel (1770-1831)



L. Feuerbach (1804-1872)

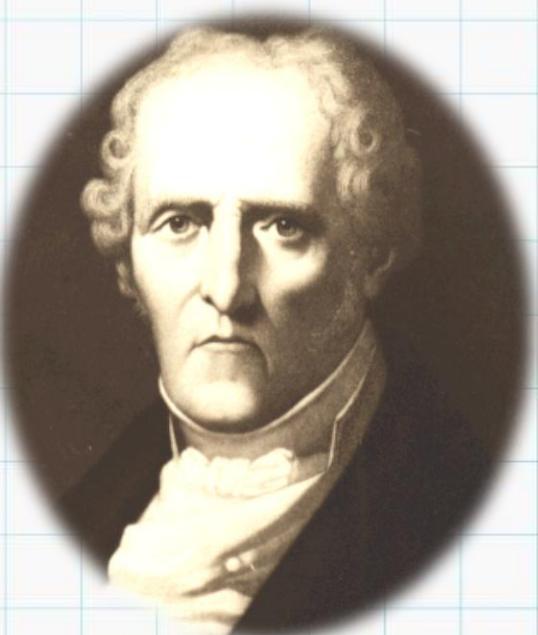
1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN

Các nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng nước Pháp và Anh



Colôđơ Hăngri Đơ Xanh Ximông
(1760 – 1825)



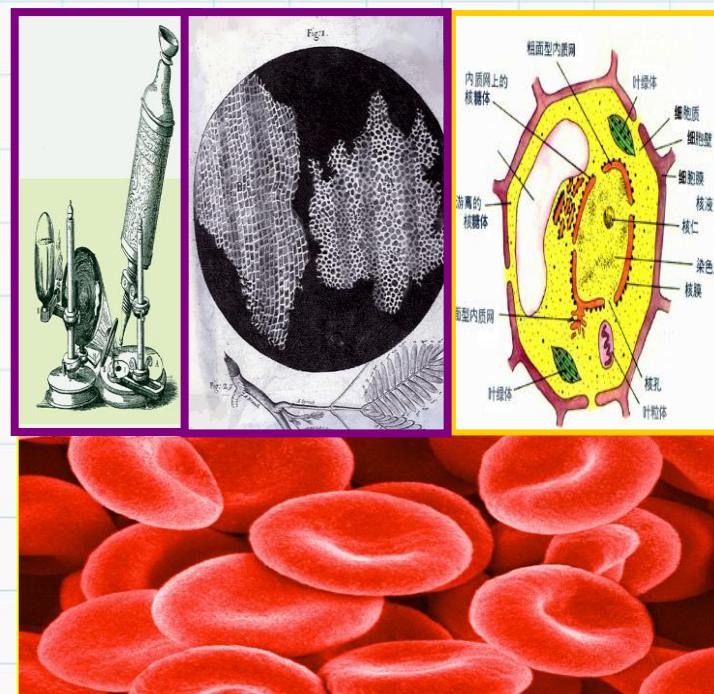
Sáclo Phuriê
(1772 – 1837)



Rôbót Ooen
(1771 – 1858)

1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

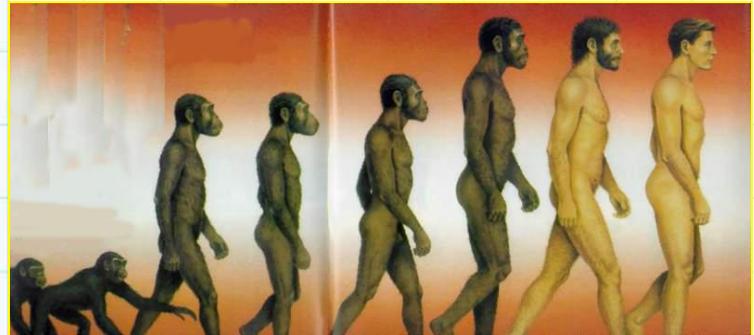
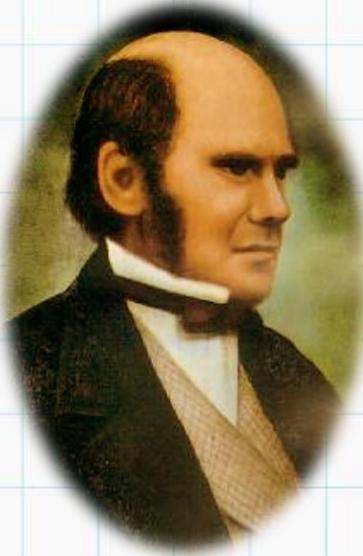
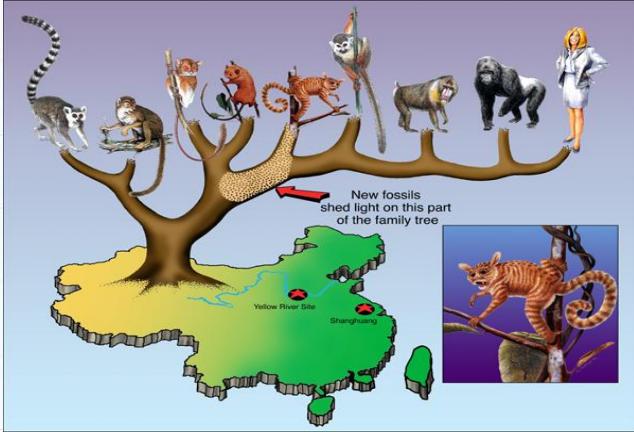
TIỀN ĐỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN



HỌC THUYẾT VỀ TẾ BÀO VỚI TƯ CÁCH LÀ BẰNG CHỨNG KHOA HỌC VỀ
TÍNH THỐNG NHẤT CỦA TOÀN BỘ SỰ SỐNG

1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

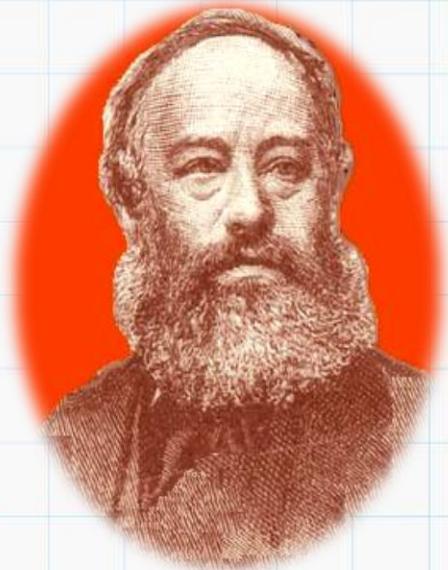
TIỀN ĐỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN



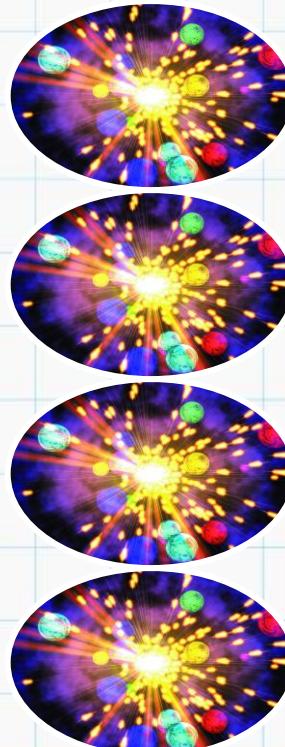
HỌC THUYẾT VỀ SỰ TIẾN HÓA CỦA CÁC LOÀI
VỚI TƯ CÁCH LÀ KHOA HỌC VỀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA SỰ SỐNG

1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

TIỀN ĐỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN



(Giulơ (1818 – 1889)
Nhà Vật lý nước Anh)



Lômônôxop
Nhà Vật lý học người Nga

HỌC THUYẾT VỀ TÍNH BẢO TOÀN VẬT CHẤT & NĂNG LƯỢNG
VỚI TƯ CÁCH LÀ KHOA HỌC VỀ TÍNH THỐNG NHẤT VẬT CHẤT & CHUYỂN HÓA CỦA GIỚI TỰ NHIÊN

1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

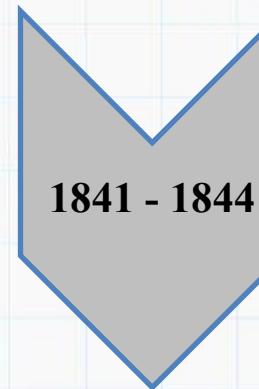
Xuất thân từ tầng lớp
trên nhưng C.Mác và
Ph.Ăngghen đều tích
cực tham gia hoạt động
thực tiễn

Hiểu sâu sắc cuộc sống
khôn khổ của GCCN
trong nền SX TBCN nên
đã đứng trên lợi ích của
GCCN

*Nhân tố chủ
quan trọng sự
hình thành
triết học Mác*

Xây dựng hệ thống lý luận để
cung cấp cho GCCN một công cụ
sắc bén để nhận thức và cải tạo
thế giới.

1.2. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác



- Thời kỳ hình thành tư tưởng triết học với bước chuyển từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và lập trường giai cấp vô sản
- Thời kỳ đề xuất những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử
- Thời kỳ C.Mác và Ph.Ăngghen bổ sung và phát triển toàn diện lí luận triết học

1.3. Thực chất và ý nghĩa cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph. Ăngghen thực hiện

- C.Mác và Ph. Ăngghen đã khắc phục tính chất trực quan, siêu hình của chủ nghĩa duy vật cũ và khắc phục tính chất duy tâm, thần bí của phép biện chứng duy tâm Đức sáng tạo ra một chủ nghĩa duy vật triết học hoàn bị là chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- C.Mác và Ph. Ăngghen đã vận dụng và mở rộng quan điểm duy vật biện chứng vào nghiên cứu lịch sử xã hội, sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử - nội dung chủ yếu của bước ngoặt cách mạng trong triết học.
- C.Mác và Ph. Ăngghen đã sáng tạo ra một triết học chân chính khoa học, với những đặc tính mới của triết học duy vật biện chứng.

1.4. Giai đoạn Lenin trong sự phát triển triết học Mác

Hoàn cảnh lịch sử V.I.Lenin phát triển Triết học Mác

Cuối XIX, đầu XX: CNTB phát triển thành CNĐQ, xuất hiện những mâu thuẫn mới

Trung tâm cách mạng thế giới chuyển sang nước Nga và xuất hiện phong trào giải phóng dân tộc tại các nước thuộc địa

Những phát minh mới trong KHTN (vật lý học) dẫn đến sự khủng hoảng về thế giới quan... chủ nghĩa duy tâm lợi dụng những phát minh này gây ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức và hoạt động cách mạng, nở rộ các loại CNDT khoa học tự nhiên

Các nhà tư tưởng tư sản tấn công nhằm xuyên tạc và phủ nhận chủ nghĩa Mác

V.I.Lênin trở thành người kế tục trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác và triết học Mác

1893 - 1907

- V.I.Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác và chuẩn bị thành lập đảng mácxít ở Nga hướng tới cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất.

1907 - 1917

- V.I.Lênin phát triển toàn diện triết học Mác và lãnh đạo phong trào công nhân Nga, chuẩn bị và thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

1917 - 1924

- Lênin tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng, bổ sung, hoàn thiện triết học Mác, gắn liền với việc nghiên cứu các vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội.

1924 -
nay

- Triết học Mác – Lênin tiếp tục được các Đảng Cộng sản và công nhân bổ sung, phát triển.

2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin

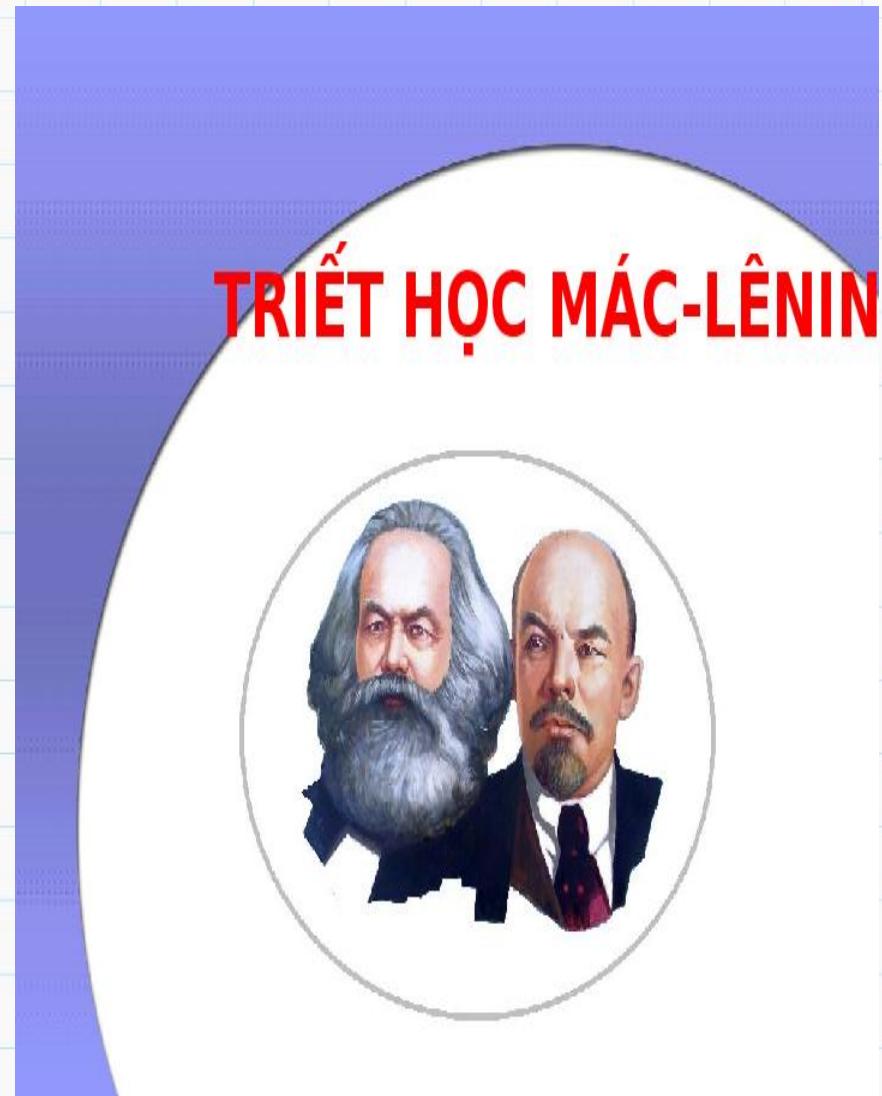
2.1. Khái niệm triết học Mác – Lênin

2.2. Đối tượng của triết học Mác - Lênin

2.3. Chức năng của triết học Mác - Lênin

2.1. Khái niệm triết học Mác – Lênin

Triết học Mác - Lênin là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy, là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng giúp giải cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng xã hội tiến bộ nhận thức đúng đắn và cải tạo hiệu quả thế giới.



2.1. Khái niệm triết học Mác – Lênin

Triết học Mác - Lênin là triết học duy vật biện chứng cả về tự nhiên và xã hội

Triết học Mác - Lênin trở thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học của giai cấp công nhân và các lực lượng tiến bộ trên thế giới

Ngày nay, triết học Mác - Lênin đang đứng ở đỉnh cao của tư duy triết học nhân loại, là hình thức phát triển cao nhất trong số các hình thức triết học từng có lịch sử



2.2. Đối tượng của triết học Mác – Lênin

Triết học Mác - Lênin giải quyết **mối quan hệ giữa vật chất và ý thức** trên lập trường duy vật biện chứng và nghiên cứu những **quy luật vận động, phát triển chung nhất** của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Triết học Mác - Lênin phân biệt rõ ràng đối tượng của triết học và đối tượng của các khoa học cụ thể

Triết học Mác - Lênin có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với các khoa học cụ thể

2.3. Chức năng của triết học Mác – Lê nin

Chức năng thế giới quan

Thế giới quan DVBC giúp con xác định thái độ và cách thức hoạt động của bản thân.

Thế giới quan duy vật biện chứng nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của con người

Thế giới quan DVBC là cơ sở khoa học để đấu tranh với các loại thế giới quan duy tâm, tôn giáo, phản khoa học.

2.3. Chức năng của triết học Mác – Lê nin

Chức năng phương pháp luận

Phương pháp
chung cho toàn
bộ nhận thức
khoa học

Trang bị cho con người hệ
thống những nguyên tắc
phương pháp luận chung
nhất, phổ biến nhất cho
nhận thức và hoạt động thực
tiễn

3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

Là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn

Là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ.

Là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.



THE END